

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2019/HNGĐ-ST.

Ngày 31-10-2019.

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Nhung;

Ông Đoàn Hoài Linh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hữu Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 406/2019/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2019; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hàng Thị Thùy T, sinh năm 1994; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Tạm trú: Thôn A, xã C, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Anh Trần Kim C, sinh năm 1987; vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Hàng Thị Thùy T trình bày:

Chị và anh Trần Kim C chung sống với nhau vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Trảng Bàng vào năm 2014. Sau khi cưới, vợ chồng chị về chung sống cùng nhà cha mẹ chồng tại ấp X, xã H. Chị làm công

nhân, anh C không có việc làm. Vợ chồng chị bắt đầu mâu thuẫn vào năm 2013, nguyên nhân là do anh C không đi làm để phụ giúp chị chăm lo kinh tế gia đình, thường xuyên tụ tập với bạn bè xấu, chị khuyên can nhiều lần nhưng anh C không thay đổi mà thường đánh chị nhưng không gây thương tích nặng, không phải nhập viện điều trị. Vợ chồng tự ly thân từ năm 2014 đến nay. Khi ly thân, chị về nhà mẹ ruột sinh sống tại thôn A, xã C, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh C.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 người con chung là cháu Trần Thị Kim N, sinh ngày 28-9-2013. Hiện tại cháu N đang sống cùng anh C. Cháu N rất khỏe mạnh, phát triển bình thường, không bị bệnh tật, dị tật bẩm sinh. Khi ly hôn, chị đồng ý để anh C tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng chị không nợ ai, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Kim C trình bày:

Anh thừa nhận lời trình bày của chị T về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn và nơi sinh sống sau khi kết hôn là đúng. Vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017 nguyên nhân là do chị T không đồng ý việc anh thường tụ tập với bạn bè, vợ chồng thường xuyên gây gổ nhau và mỗi lần gây gổ thì chị T thường tự ý bỏ nhà đi. Tuy nhiên, anh không đánh chị T như chị T đã trình bày. Vợ chồng anh đã ly thân từ năm 2017 đến nay, chị T đã bỏ đi nơi khác sinh sống. Nay anh không đồng ý ly hôn chị T, yêu cầu đoàn tụ cùng chị T.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 người con chung là cháu Trần Thị Kim N, sinh ngày 28-9-2013. Nếu Tòa án xét xử cho anh và chị T ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng anh không nợ ai, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hàng Thị Thùy T đối với anh Trần Kim C. Chị T được ly hôn anh C.

Về con chung: Giao anh C tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Kim N, sinh ngày 28-9-2013. Chị T không cấp dưỡng nuôi con do anh C không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh C không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Chị Hàng Thị Thùy T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Anh Trần Kim C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị T và anh C chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Trảng Bàng vào năm 2014. Do đó, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Cuộc sống hôn nhân xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do anh C không có công việc để phụ giúp kinh tế gia đình, thường xuyên tụ tập với bạn bè, chị T khuyên can nhiều lần nhưng anh C không thay đổi dẫn đến vợ chồng bất hòa, không thể thông cảm cho nhau, thường xuyên gây gổ nhau. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh C yêu cầu được đoàn tụ. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh C nhiều lần để tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng anh C đều vắng mặt không có lý do, cho thấy anh C không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ cùng chị T. Mặt khác, kết quả xác minh tại địa phương thể hiện quá trình chung sống, vợ chồng anh C, chị T thường xuyên gây gổ nhau và chị T đã bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2017 đến nay. Anh C cũng xác định vợ chồng anh đã ly thân từ năm 2017 đến nay, không ai đặt vấn đề đoàn tụ, chung sống lại với nhau. Xét thấy đời sống hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, khả năng đoàn tụ giữa chị T và anh C đã không còn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh C, cho chị T được ly hôn anh C là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung:

Vợ chồng chị T, anh C có 01 người con chung là cháu Trần Thị Kim N, sinh ngày 28-9-2013. Hiện tại cháu N đang sống cùng anh C. Anh C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N và chị T cũng đồng ý. Do đó, có cơ sở giao anh C tiếp tục nuôi dưỡng cháu N. Ghi nhận anh C không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định tại Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh C không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hàng Thị Thùy T đối với anh Trần Kim C.

Chị Hàng Thị Thùy T được ly hôn anh Trần Kim C.

2. Về con chung:

Giao anh Trần Kim C tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Thị Kim N, sinh ngày 28-9-2013.

Ghi nhận anh C không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh C không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Hàng Thị Thùy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng

án phí, lệ phí Tòa án số 0017251 ngày 20 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Báo cho chị T, anh C biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- UBND xã H;
- Lưu: Ấn văn, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Minh Thư